



GỢI Ý ĐÁP ÁN ĐỀ SỐ 16

PHẦN	CÂU	NỘI DUNG	ĐIỂM
I		ĐỌC HIỂU	4,0
	1	Ngôi kể: Ngôi kể thứ nhất.	0,5
	2	Trong ký ức của nhân vật “tôi”, chú ngựa đã phản ứng một cách hoàn toàn dửng dưng, vô cảm. Nó “ <i>cứ đứng yên, im lặng như bức tường</i> ”, “ <i>không hề động đậy</i> ”, “ <i>lặng lẽ vô tình</i> ”, “ <i>câm lặng như một khối thép</i> ”.	0,5
	3	- Biện pháp tu từ: Liệt kê. - Tác dụng: + Về nội dung: Khắc họa rõ nét hình dáng con ngựa, thể hiện sự quan sát tinh tế và tình cảm gắn bó, trân trọng của nhân vật “tôi” dành cho người bạn cũ. + Về nghệ thuật: Tạo nhịp điệu chậm rãi, miêu tả tỉ mỉ, làm nổi bật vẻ đẹp vừa oai phong vừa đáng thương của con ngựa, đồng thời tăng sức gợi cảm cho đoạn văn. + Về tình cảm, thái độ: Thể hiện tình yêu thương, sự xúc động và trân trọng quá khứ của nhân vật “tôi”, qua đó bộc lộ giọng văn hoài niệm, da diết và nhân văn của tác phẩm.	1,0
	4	- Nguyên nhân sâu xa khiến chú ngựa quyết định “<i>không bao giờ mở mắt nữa</i>” là do lòng tự trọng bị tổn thương sâu sắc. Bị người chủ mà mình yêu mến và kính trọng si nhục, chú ngựa đã chọn cách nhắm mắt vĩnh viễn để không phải nhìn thấy một thế giới nơi phẩm giá của nó bị chà đạp. - Về đẹp bi tráng: Vẻ đẹp này thể hiện ở sự kiên cường, bất khuất, thà tự hủy hoại bản thân chứ không chịu khuất phục, không chấp nhận sự si nhục. Nhưng đó cũng	1,0

		là một hành động đầy đau đớn, tự hủy diệt, dẫn đến bi kịch mù lòa vĩnh viễn.	
	5	- Khái quát: Chỉ vì một lời nói vô tình “đồ mắt mù” mà con ngựa đã chọn cách tự làm mù thật sự, điều đó cho thấy sức mạnh và ảnh hưởng sâu sắc của ngôn ngữ đối với tâm hồn con người và cả muôn loài. - Bài học: Hãy sử dụng ngôn ngữ một cách có trách nhiệm, chân thành và thấu hiểu, bởi mỗi lời nói có thể sưởi ấm hoặc làm tổn thương người khác. - Lí giải: Bởi ngôn ngữ là tấm gương phản chiếu nhân cách, lời nói thiếu suy nghĩ có thể gây đau đớn, còn lời nói tử tế có thể chữa lành và kết nối con người. Khi biết nói năng đúng mực, ta không chỉ tôn trọng người khác mà còn thể hiện sự trưởng thành và văn hóa của chính mình.	1,0
II		VIẾT	6,0
	1	Viết đoạn văn (khoảng 200 chữ) phân tích ý nghĩa của sự lựa chọn “không bao giờ mở mắt nữa” của chú ngựa trong văn bản Đọc hiểu.	2,0
		<i>a. Đảm bảo cấu trúc đoạn văn nghị luận:</i> HS có thể triển khai theo nhiều cách: diễn dịch, quy nạp, phối hợp,...	0,25
		<i>b. Xác định đúng vấn đề nghị luận.</i> Ý nghĩa của sự lựa chọn “không bao giờ mở mắt nữa” của chú ngựa.	0,25
		<i>c. Triển khai vấn đề nghị luận thành các luận điểm</i> HS có thể triển khai theo nhiều cách, nhưng cần giới thiệu được vấn đề nghị luận, nêu rõ lí do và quan điểm của bản thân, hệ thống luận điểm chặt chẽ, lập luận thuyết phục, sử dụng dẫn chứng thuyết phục. Sau đây là một hướng gợi ý:	1,0

	+ Thể hiện sự phản kháng và tự trọng của chú ngựa trước bất công, bạo tàn: Bị người chủ mắng chửi, đánh đập, con ngựa chọn cách nhắm mắt để từ chối nhìn thấy thế giới tàn nhẫn ấy. Đây là phản ứng đau đớn nhưng đầy kiêu hãnh, thể hiện lòng tự trọng của sinh vật từng trung thành, tận tụy. + Là biểu tượng cho sự khước từ cái xấu, cái giả dối của đời sống con người: “Nhắm mắt” không chỉ là hành động thể xác mà là ẩn dụ cho khát vọng được giữ mình trong trong sạch, tránh xa cái ác và sự tàn nhẫn. Hình ảnh ấy phản ánh nỗi cô đơn của những tâm hồn trung thực giữa một xã hội nhiều bất công. + Ý nghĩa bi kịch: Sự chuyển hóa từ “giả mù” thành “mù thật” cho thấy bi kịch của lòng kiêu hãnh và sự lựa chọn cực đoan. Nó cho thấy một vết thương tâm hồn khi không được chữa lành có thể ăn sâu và hủy hoại cả thể xác. Kết luận: Khái quát lại, hai câu nói cuối cùng đã khép lại câu chuyện trong một dư âm đầy xót xa, day dứt về cái giá phải trả cho lòng tự trọng bị tổn thương. Hướng dẫn chấm: - Phân tích đầy đủ, sâu sắc: 1,0 điểm. - Phân tích chưa đầy đủ hoặc chưa sâu: 0,5 điểm – 0,75 điểm. - Phân tích chung chung, sơ sài: 0,25 điểm.	
	d. Chính tả, ngữ pháp Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp Tiếng Việt. Hướng dẫn chấm: Không cho điểm nếu bài làm có quá nhiều lỗi chính tả, ngữ pháp.	0,25
	e. Sáng tạo: Thể hiện suy nghĩ sâu sắc về vấn đề nghị luận, có cách diễn đạt mới mẻ.	0,25
2	Bằng một bài văn (khoảng 400 chữ), hãy trình bày suy nghĩ của em về vai trò của lòng tự trọng trong việc hình thành nhân cách và giá trị của con người.	4,0

	a. <i>Đảm bảo cấu trúc bài văn nghị luận.</i> Mở bài giới thiệu vấn đề nghị luận, thân bài triển khai vấn đề nghị luận, kết bài khái quát lại vấn đề.	0,5
	b. <i>Xác định đúng vấn đề nghị luận.</i> Vai trò của lòng tự trọng trong việc hình thành nhân cách và giá trị của con người.	0,25
	c. <i>Triển khai vấn đề nghị luận thành các luận điểm</i> HS có thể triển khai theo nhiều cách, nhưng cần giới thiệu được vấn đề nghị luận, nêu rõ lí do và quan điểm của bản thân, hệ thống luận điểm chặt chẽ, lập luận thuyết phục, sử dụng dẫn chứng thuyết phục. Sau đây là một hướng gợi ý: Mở bài: Giới thiệu vấn đề bằng một câu nói, danh ngôn hoặc hình ảnh gợi mở về giá trị con người (Ví dụ: “Cái quý nhất của con người là nhân cách”), từ đó trình bày vai trò của lòng tự trọng trong việc hình thành nhân cách và giá trị cá nhân. (1) Giải thích: Lòng tự trọng: Là sự coi trọng danh dự, phẩm chất và tư cách của chính bản thân. Các cá nhân có thể nhận thức giá trị của chính mình. (2) Bàn luận: - Lòng tự trọng là nền tảng của nhân cách: Người có lòng tự trọng sẽ biết phân biệt đúng sai, phải trái, có dũng khí để bảo vệ lẽ phải và bảo vệ phẩm giá của mình. Nó giúp con người không cúi đầu trước cái xấu, cái ác. (Dẫn chứng: Trần Bình Trọng “<i>Ta thà làm hổ đói ở nước Nam còn hơn làm vua ở nước Bắc.</i>”). - Lòng tự trọng là động lực để vươn lên: Khi tự trọng, con người sẽ không chấp nhận sự yếu kém, thua cuộc. Họ sẽ không ngừng nỗ lực học hỏi, lao động để hoàn thiện bản thân, khẳng định giá trị của mình một cách chân chính. - Lòng tự trọng giúp xây dựng các mối quan hệ lành mạnh: Người có lòng tự trọng sẽ biết tôn trọng người khác và cũng sẽ nhận được sự tôn trọng. Họ biết đặt ra	2,5

	những giới hạn cần thiết để bảo vệ bản thân khỏi những mối quan hệ độc hại. (3) Phản đề, mở rộng: Cần phân biệt lòng tự trọng với tính tự ái, tự cao, tự đại. Tự trọng là sự tôn trọng phẩm giá bên trong, còn tự ái là sự ích kỷ, xem trọng cái tôi một cách thái quá. (4) Bài học nhận thức và hành động: - Nhận thức: Mỗi người cần nhận thức rằng lòng tự trọng là một giá trị cốt lõi. - Hành động: Rèn luyện lòng tự trọng bằng cách sống có trách nhiệm, nỗ lực vươn lên bằng thực lực và dũng cảm nói “không” với những điều sai trái, những hành vi xúc phạm đến phẩm giá của mình và của người khác. Kết bài: Khẳng định lại ý nghĩa của lòng tự trọng trong hành trình trưởng thành của con người. Mỗi cá nhân cần có hành động bảo vệ những giá trị đạo đức và chuẩn mực của bản thân, tránh trở thành những người vì lợi ích mà chà đạp lên hết thảy. Hướng dẫn chấm: - <i>Phân tích đầy đủ, sâu sắc: 2,5 điểm.</i> - <i>Phân tích chưa đầy đủ hoặc chưa sâu: 1,0 điểm – 2,0 điểm.</i> - <i>Phân tích chung chung, sơ sài: 0,25 điểm – 0,5 điểm.</i>	
	d. Chính tả, ngữ pháp Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp Tiếng Việt.	0,25
	e. Sáng tạo: Bài viết có giọng điệu riêng, cách diễn đạt sáng tạo, văn phong trôi chảy.	0,5
ĐIỂM TOÀN BÀI THI: I + II = 10 điểm		